

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2142 /QĐ-UBND

Đắk R'lấp, ngày 02 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7 đến năm thứ 8)(Bổ sung lần 2, đợt 1 và đợt 2)(Phần diện tích trong ranh thu hồi). Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 669/TTr-TN&MT ngày 26 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7 đến năm thứ 8)(Bổ sung lần 2, đợt 1 và đợt 2)(Phần diện tích đất trong ranh thu hồi). Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, bao gồm:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bổ sung: 21 hộ.

2. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.796.643.381 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi một đồng.

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân:	1.761.415.080	đồng
+ Bồi thường về đất đai:	543.110.390	đồng
+ Bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc:	339.963.890	đồng
+ Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu:	23.079.800	đồng
+ Các khoản chính sách hỗ trợ:	855.261.000	đồng
- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, GPMB:	35.228.301	đồng

3. Nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Chủ đầu tư) tự nguyện ứng trước để chi trả.

4. Số hộ gia đình đủ điều kiện bố trí tái định cư: Không có.

(Kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng có trách nhiệm: Niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất có trách nhiệm: Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo Quyết định này đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Thông báo cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất; Giám đốc Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV; Chủ tịch UBND xã Nghĩa Thắng; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

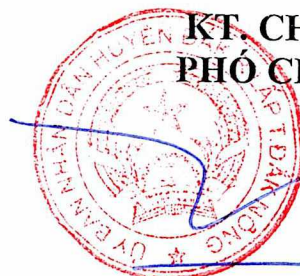
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Công Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)
(Kèm theo Phương án Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

TT	Họ và tên	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình VKT	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Tổng cộng	Ghi chú
1	HỘ ÔNG NGUYỄN VĂN TÂM VÀ BÀ TRƯƠNG THỊ LAN	63.144.620	0	0	22.035.200	85.179.820	
2	HỘ BÀ NGUYỄN THỊ HIẾU	27.565.070	12.950.283	0	10.717.200	51.232.553	
3	HỘ ÔNG PHAN BÁ ANH VIỆT VÀ BÀ TRƯƠNG THỊ THIÊN HƯƠNG	12.130.200	1.256.982	0	6.550.900	19.938.082	
4	HỘ ÔNG NGUYỄN TẤN TỐI	2.895.900	0	0	1.564.100	4.460.000	
5	HỘ BÀ NGUYỄN THỊ THU UYÊN	12.306.140	0	0	4.294.400	16.600.540	
6	HỘ ÔNG MAI VĂN THẮNG VÀ BÀ MAI THỊ THƠM	54.070.610	9.867.731	0	19.735.600	83.673.941	
7	HỘ ÔNG VŨ VĂN SỬU VÀ BÀ PHÍ THỊ THỦY	29.471.350	12.924.087	0	11.755.500	54.150.937	
8	HỘ ÔNG LÊ VŨ HẢI	26.795.400	12.232.216	0	9.934.000	48.961.616	
9	HỘ ÔNG PHAN TRỌNG HUẤN VÀ BÀ TRƯƠNG THỊ THU THỦY	30.421.430	5.379.927	0	11.122.800	46.924.157	

TT	Họ và tên	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình VKT	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Tổng cộng	Ghi chú
10	HỘ ÔNG VŨ ĐỨC TUÂN	29.334.830	0	0	10.236.800	39.571.630	
11	HỘ ÔNG TRẦN VĂN ANH VÀ BÀ LÊ THỊ LAN	41.897.010	31.135.496	0	17.529.600	90.562.106	
12	HỘ ÔNG NGUYỄN THẾ SỬ VÀ BÀ PHÍ THỊ THẢO	28.707.360	32.519.480	0	12.252.200	73.479.040	
13	HỘ ÔNG NGUYỄN TIẾN THÔN VÀ BÀ NGUYỄN THỊ HÀ	22.490.490	12.574.064	0	8.928.500	43.993.054	
14	HỘ ÔNG TÀO ĐĂNG XINH VÀ BÀ LÊ THỊ MINH QUYẾT	36.588.300	0	0	12.768.000	49.356.300	
15	HỘ ÔNG BÙI VĂN HIẾU VÀ BÀ PHAN THỊ TRANG	10.819.900	62.106.348	0	4.671.000	77.597.248	
16	HỘ ÔNG PHẠM HỮU PHONG	11.553.970	5.321.062	0	652.017.600	668.892.632	
17	HỘ BÀ LÃ THỊ LƯ	13.819.190	20.791.040	0	4.822.400	39.432.630	
18	HỘ BÀ NGUYỄN THỊ ANH THU VÀ ÔNG TRẦN VĂN HÙNG	73.665.750	83.240.593	0	27.970.000	184.876.343	
19	HỘ BÀ NGUYỄN THỊ LĂNG	15.432.870	19.315.903	0	6.355.200	41.103.973	
20	HỘ ÔNG NGUYỄN NGỌC TIẾN	0	18.348.678	0	0	18.348.678	

TT	Họ và tên	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình VKT	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Tổng cộng	Ghi chú
21	HỘ ÔNG BÙI VĂN THÀNH VÀ BÀ NGUYỄN THỊ AN	0	0	23.079.800	0	23.079.800	
TỔNG CỘNG		543.110.390	339.963.890	23.079.800	855.261.000	1.761.415.080	

+ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (=a+b):

1.796.643.381 đồng

(Số tiền bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi mốt đồng)

Trong đó:

a/ Tổng kinh phí chi trả cho các hộ dân:

1.761.415.080 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về đất đai:

543.110.390 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình VKT:

339.963.890 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu:

23.079.800 đồng

- Các khoản chính sách hỗ trợ:

855.261.000 đồng

b/ Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB (2%):

35.228.301 đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
1	HỘ ÔNG NGUYỄN VĂN TÂM VÀ BÀ TRƯỞNG THỊ LAN								85.179.820		
A	ĐẤT ĐAI								63.144.620		
	Thửa số 11, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	688,6			131.000		0,7	63.144.620		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								0		
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								22.035.200		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 11, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	688,6			32.000		1	22.035.200	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
	TỔNG CỘNG								85.179.820 đồng		

Số tiền bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
2	HỌ BÀ NGUYỄN THỊ HIẾU								51.232.553		
A	ĐẤT ĐAI								27.565.070		
1	Thửa số 24, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	238,1			131.000		0,7	21.833.770		
2	Thửa số 25, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	154,9			37.000			5.731.300		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								12.950.283		
	Ao tưới: Sâu 4,5m, diện tích 154,9m ² (Thửa số 25, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ³	697,1			27.000	0,7	0,983	12.950.283	Tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Nay điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								10.717.200		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 24, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	238,1			32.000		1	7.619.200	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 25, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	154,9			20.000		1	3.098.000		
	TỔNG CỘNG								51.232.553	đồng	

Số tiền bằng chữ: Năm mươi một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
3	HỘ ÔNG PHAN BÁ ANH VIỆT VÀ BÀ TRƯƠNG THỊ THIÊN HUƠNG								19.938.082		
A	ĐẤT ĐAI								12.130.200		
1	Thửa số 191, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây hàng năm)	m ²	220,7			50.000			11.035.000		
2	Thửa số 192, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	29,6			37.000			1.095.200		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								1.256.982		
	Ao tưới 2: Sâu 2m, diện tích 29,6m ² Thửa số 192 mảnh trích đo địa chính số 433-2022	m ³	59,2			27.000	0,8	0,983	1.256.982	Tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 20% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 80% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								6.550.900		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NHK - Thửa số 191, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	220,7			27.000		1	5.958.900	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định	
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 192, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	29,6			20.000		1	592.000	đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
	TỔNG CỘNG								19.938.082	đồng	

Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
4	HỌ ÔNG NGUYỄN TẤN TỚI								4.460.000		
A	ĐẤT ĐAI								2.895.900		
1	Thửa số 29, mảnh trích đo địa chính số 69-2020 (Đất trồng cây hàng năm)	m ²	46,3			50.000			2.315.000		
2	Thửa số 30, mảnh trích đo địa chính số 69-2020 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	15,7			37.000			580.900		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								0		
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								1.564.100		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất HNK - Thửa số 29, mảnh trích đo địa chính số 69-2020)	m ²	46,3			27.000		1	1.250.100	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 30, mảnh trích đo địa chính số 69-2020)	m ²	15,7			20.000		1	314.000		
TỔNG CỘNG									4.460.000	đồng	

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)
Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)
Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
5	HỌ BÀ NGUYỄN THỊ THU UYÊN								16.600.540		
A	ĐẤT ĐAI								12.306.140		
	Thửa số 49, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	134,2			131.000		0,7	12.306.140		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								0		
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								4.294.400		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN-Thửa số 49, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	134,2			32.000		1	4.294.400	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
	TỔNG CỘNG								16.600.540 đồng		

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu, sáu trăm nghìn, năm trăm bốn mươi đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)
Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)
Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
6	HỘ ÔNG MAI VĂN THẮNG VÀ BÀ MAI THỊ THƠM								83.673.941		
A	ĐẤT ĐAI								54.070.610		
1	Thửa số 58, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	540,3			131.000		0,7	49.545.510		
2	Thửa số 59, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	122,3			37.000			4.525.100		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								9.867.731		
5	Ao tưới (Trong ranh): Sâu 3,8m. Thửa số 59, mảnh trích đo địa chính số 433-2022. Diện tích 122,3m ² .	m ³	464,7			27.000	0,8	0,983	9.867.731	Tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 20% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 80% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								19.735.600		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 58, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	540,3			32.000		1	17.289.600	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 59, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	122,3			20.000		1	2.446.000		
TỔNG CỘNG									83.673.941	đồng	

Số tiền bằng chữ: Tám mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142 QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
7	HỘ ÔNG VŨ VĂN SỬU VÀ BÀ PHÍ THỊ THỦY								54.150.937		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								29.471.350		
1	Thửa số 80, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	237,5			131.000		0,7	21.778.750		
2	Thửa số 81, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	74,8			37.000			2.767.600		
3	Thửa số 82, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây hàng năm)	m ²	98,5			50.000			4.925.000		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								12.924.087		
	Ao tưới (Trong ranh): Sâu 9,3m. Thửa số 81, mảnh trích đo địa chính số 433-2022. Diện tích 74,8m ² .	m ³	695,6			27.000	0,7	0,983	12.924.087	Tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	<u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u>								0		
D	<u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u>								11.755.500		

1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thừa số 80, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	237,5			32.000		1	7.600.000	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thừa số 81, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	74,8			20.000		1	1.496.000		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất HNK - Thừa số 82, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	98,5			27.000		1	2.659.500		
TỔNG CỘNG									54.150.937	đồng	

Số tiền bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
8	HỢI ỚNG LÊ VŨ HẢI								48.961.616		
A	ĐẤT ĐAI								26.795.400		
1	Thửa số 100, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	259,0			131.000		0,7	23.750.300		
2	Thửa số 101, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	82,3			37.000			3.045.100		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								12.232.216		
1	Ao tưới (Trong ranh): Sâu 8m. Thửa 101, mảnh trích đo địa chính số 433. Diện tích 82,3m ²	m ³	658,4			27.000	0,7	0,983	12.232.216	Tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Đắk R'Lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								9.934.000		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN-Thửa số 100, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	259,0			32.000		1	8.288.000	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS-Thửa số 101, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	82,3			20.000		1	1.646.000		
	TỔNG CỘNG								48.961.616	đồng	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm mười sáu đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
9	HỘ ÔNG PHAN TRỌNG HUẤN VÀ BÀ TRƯƠNG THỊ THU THỦY								46.924.157		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								30.421.430		
1	Thửa số 125, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	224,7			131.000		0,7	20.604.990		
2	Thửa số 126, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	71,5			37.000			2.645.500		
3	Thửa số 127, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	78,2			131.000		0,7	7.170.940		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								5.379.927		
	Ao tưới: Sâu 4,05m. Diện tích: 71,5m ² . (Thửa số 126, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ³	289,6			27.000	0,7	0,983	5.379.927	Tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	<u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u>								0		
D	<u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u>								11.122.800		

1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thừa số 125, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	224,7			32.000		1	7.190.400	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thừa số 126, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	71,5			20.000		1	1.430.000		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thừa số 127, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	78,2			32.000		1	2.502.400		
TỔNG CỘNG									46.924.157	đồng	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, DỢT 1 VÀ DỢT 2)
Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)
Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
10	HỘ ÔNG VŨ ĐỨC TUÂN								39.571.630		
A	ĐẤT ĐAI								29.334.830		
	Thửa số 57, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	319,9			131.000		0,7	29.334.830		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								0		
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								10.236.800		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 57, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	319,9			32.000		1	10.236.800	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
	TỔNG CỘNG								39.571.630	đồng	

Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phân diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
11	HỌ ÔNG TRẦN VĂN ANH VÀ BÀ LÊ THỊ LAN								<u>90.562.106</u>		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								<u>41.897.010</u>		
1	Thửa số 50, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	291,3			131.000		0,7	26.712.210		
2	Thửa số 51, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	410,4			37.000			15.184.800		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								<u>31.135.496</u>		
I	TRỪ ĐI SỐ TIỀN ĐÃ HỖ TRỢ VỀ AO TƯỚC ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2675/QĐ-UBND NGÀY 18/8/2023								-17.972.504		
II	<u>SỐ TIỀN ĐIỀU CHỈNH VỀ NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>										
	Ao tước (Trong ranh): Sâu 5,5m, Diện tích 410,4m ² (Thửa số 51, mảnh trích đo địa chính số 433-2022).	m ³	2.257,2	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo bảng bóc tách khối lượng thực tế căn cứ tại Phần B, mục I.3 Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông, do tổng khối lượng đất đào có khối lượng lớn hơn 2.000m ³					49.108.000		
C	<u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u>								<u>0</u>		
D	<u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u>								<u>17.529.600</u>		

1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thừa số 50, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	291,3			32.000		1	9.321.600	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thừa số 51, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	410,4			20.000		1	8.208.000		
TỔNG CỘNG									90.562.106	đồng	

Số tiền bằng chữ: Chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm lẻ sáu đồng./.



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
12	HỘ ÔNG NGUYỄN THẾ SỬ VÀ BÀ PHÍ THỊ THẢO								73.479.040		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								28.707.360		
1	Thửa số 77, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	185,8			131.000		0,7	17.037.860		
2	Thửa số 78, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây hàng năm)	m ²	45,8			50.000			2.290.000		
3	Thửa số 79, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	253,5			37.000			9.379.500		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								32.519.480		
I	TRỪ ĐI SỐ TIỀN ĐÃ HỖ TRỢ VỀ AO TÚỚI ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2675/QĐ-UBND NGÀY 18/8/2023								-18.771.520		
II	SỐ TIỀN ĐIỀU CHỈNH VỀ NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC										
	Ao tưới (Trong ranh): Sâu 9,3m. Thửa số 79, mảnh trích đo địa chính số 433-2022. Diện tích 253,5m².	m ³	2.357,6			Kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo bảng bóc tách khối lượng thực tế căn cứ tại Phần B, mục I.3 Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông, do tổng khối lượng đất đào có khối lượng lớn hơn 2.000m ³			51.291.000		

C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								12.252.200		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thừa số 77, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	185,8			32.000		1	5.945.600	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất HNK - Thừa số 78, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	45,8			27.000		1	1.236.600		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thừa số 79, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	253,5			20.000		1	5.070.000		
	TỔNG CỘNG								73.479.040	đồng	

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi đồng./.



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
13	HỌ ÔNG NGUYỄN TIẾN THÔN VÀ BÀ NGUYỄN THỊ HÀ								43.993.054		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								22.490.490		
1	Thửa số 97, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	183,7			131.000		0,7	16.845.290		
2	Thửa số 98, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây hàng năm)	m ²	50,3			50.000			2.515.000		
3	Thửa số 99, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	84,6			37.000			3.130.200		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								12.574.064		
	Ao tưới (Trong ranh): Sâu 8m. Diện tích 84,6m ² . Thửa 99, mảnh trích đo địa chính số 433-2022.	m ³	676,8			27.000	0,7	0,983	12.574.064	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	<u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u>								0		
D	<u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u>								8.928.500		

1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thừa số 97, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	183,7			32.000		1	5.878.400	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất HNK-Thừa số 98, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	50,3			27.000		1	1.358.100		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS-Thừa số 99, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	84,6			20.000		1	1.692.000		
TỔNG CỘNG									43.993.054	đồng	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng./.



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)
Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trương năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)
Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
(Kèm theo Quyết định số 2142 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
14	HỘ ÔNG TÀO ĐĂNG XINH VÀ BÀ LÊ THỊ MINH QUYẾT								49.356.300		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								36.588.300		
	Thửa số 104, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	399,0			131.000		0,7	36.588.300		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								0		
C	<u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u>								0		
D	<u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u>								12.768.000		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN-Thửa số 104, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	399,0			32.000		1	12.768.000	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
	TỔNG CỘNG								49.356.300	đồng	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
15	HỘ ÔNG BUI VĂN HIẾU VÀ BÀ PHAN THỊ TRANG								<u>77.597.248</u>		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								<u>10.819.900</u>		
1	Thửa số 128, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	67,0			131.000		0,7	6.143.900		
2	Thửa số 129, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây hàng năm)	m ²	21,0			50.000			1.050.000		
3	Thửa số 130, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	98,0			37.000			3.626.000		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								<u>62.106.348</u>		

1	Gian 4: Móng đá chẻ xây, tường xây gạch ống dày 10cm, bô trụ gạch tăng cường, sơn nước, không bả, nền gạch ceramic 50x50cm, trần gỗ bào không ghép mí, không có seno mặt đứng. KT: 7,05m*7,55m	m ²	53,2			3.363.000	0,3	0,983	52.788.304	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 30% đơn giá	Điều chỉnh thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 hỗ trợ bằng 30% đơn giá thành từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% đơn giá (Theo GXN của UBND xã ngày 27/9/2023)
	Hỗ trợ công thu hồi trần ván gỗ không bào, không ghép mí. KT: 7m*6,3m	m ²	44,0			30.000		0,983	1.297.560		
	Đơn giá chênh lệch giữa nền lát gạch ceramic 50*50cm (313.000 đồng) so với nền lát gạch ceramic 40*40cm (248.000 đồng) theo quy định	m ²	53,2			65.000	0,3	0,983	1.020.291		
	Trừ không đóng trần tôn lạnh theo quy định	m ²	53,2			-134.000	0,3	0,983	-2.103.370		
2	Ao: Sâu 5m. Diện tích 98m² (Thửa 130, mảnh trích đo địa chính số 433)	m ³	490,0			27.000	0,7	0,983	9.103.563	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								4.671.000		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN-Thửa số 128, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	67,0			32.000		1	2.144.000	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất HNK-Thửa số 129, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	21,0			27.000		1	567.000		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS-Thửa số 130, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	98,0			20.000		1	1.960.000		
TỔNG CỘNG									77.597.248	đồng	

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'Lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
16	HỌ ÔNG PHẠM HỮU PHONG								668.892.632		
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>								11.553.970		
1	Thửa số 94, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trừ đi)	m ²	52,1			131.000		0,7	4.777.570		
2	Thửa số 95, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây hàng năm)	m ²	19,2			50.000			960.000		
3	Thửa số 96, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	157,2			37.000			5.816.400		
B	<u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u>								5.321.062		
1	Ao tưới 1: Sâu 1,7m, diện tích 157,2m² (Thửa số 96, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ³	267,2			27.000	0,7	0,983	4.964.972	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Đắk R'Lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
2	Nắp giếng: Bê tông cốt thép đá 1x2. KT: D=1,4m, dày 5cm.	m ³	0,08			5.886.000	0,8	0,983	356.090	Thời điểm xây dựng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 80% đơn giá	Bổ sung thiếu sót tại Biên bản xác minh ngày 10/5/2024
C	<u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u>								0		

D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								652.017.600		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 94, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	52,1			32.000		1	1.667.200	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất HNK - Thửa số 95, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	19,2			27.000		1	518.400		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 96, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	157,2			20.000		1	3.144.000		
5	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 94, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	17.190,6			32.000		1	550.099.200	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp chưa được tính toán hỗ trợ	
6	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 95, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	27,5			32.000		1	880.000		
7	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 96, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	290,9			32.000		1	9.308.800		
8	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 20, QĐ số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021: Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng trên địa bàn xã Nghĩa Thắng thi được hỗ trợ 36 tháng do phải di chuyển chỗ ở)	Khẩu	4			600.000		36	86.400.000		Tổng diện tích đang sử dụng trên địa bàn xã Nghĩa Thắng: 19.534,0m ² . Tỷ lệ thu hồi 90,8%
TỔNG CỘNG									668.892.632	đồng	

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
17	HỌ BÀ LÃ THỊ LƯU								39.432.630		
A	ĐẤT ĐAI								13.819.190		
	Thửa số 83, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	150,7			131.000		0,7	13.819.190		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								20.791.040		
1	Giếng khoan: Ống nhựa phi 130. Sâu 92m	m	92,0			556.000	0,3	0,983	15.084.725	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND 18/8/2023 đã tính hỗ trợ 30% đơn giá. Nay bổ sung thêm 30% đơn giá	Điều chỉnh thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 hỗ trợ bằng 30% đơn giá thành từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% đơn giá (Theo GXN của UBND xã Nghĩa Thắng ngày 27/9/2023)
2	Giếng đào: D=1m, sâu 18m	m	18,0			645.000	0,5	0,983	5.706.315	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND 18/8/2023 đã tính hỗ trợ 30% đơn giá. Nay bổ sung thêm 50% đơn giá	Điều chỉnh thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 hỗ trợ bằng 30% đơn giá thành từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% đơn giá (Theo GXN của UBND xã Nghĩa Thắng ngày 15/5/2024)

C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								4.822.400		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thừa số 83, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	150,7			32.000		1	4.822.400	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
	TỔNG CỘNG								39.432.630	đồng	

Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (DVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (DVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
18	HỌ BÀ NGUYỄN THỊ ANH THU VÀ ÔNG TRẦN VĂN HÙNG								<u>184.876.343</u>		
A	ĐẤT ĐAI								<u>73.665.750</u>		
1	Thửa số 45, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	184,0			131.000		0,7	16.872.800		
2	Thửa số 46, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	163,4			37.000			6.045.800		
3	Thửa số 47, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	490,5			131.000		0,7	44.978.850		
4	Thửa số 48, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	155,9			37.000			5.768.300		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								<u>83.240.593</u>		
I	TRỪ ĐI SỐ TIỀN ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2675/QĐ-UBND NGÀY 18/8/2023								<u>-109.023.698</u>		
1	Gian phụ 3								-102.713.624		
2	Bếp củi								-6.310.074		
II	SỐ TIỀN ĐIỀU CHỈNH VỀ NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								<u>192.264.291</u>		

1	Gian phụ 3: Móng xây đá, tường xây lũng cao 85cm tô trát 2 mặt kết hợp vách ván gỗ, mái tôn, trần tôn, nền lát đá hoa cương + xi măng, cao trung bình 2,3m. (KT: 15m*9m)- (1,85m*3,2m). KT đá hoa cương: 6,3m*2,5m.	m ²	129,1								
	PHẦN DIỆN TÍCH 118,7m² XÂY DỰNG TỪ NGÀY 15/10/1993 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 01/7/2004		118,7			2.640.000	0,3	0,983	92.412.223	Thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 30% đơn giá	Tổng diện tích sử dụng 129,1m ² . Trong đó: Diện tích 118,7m² xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022. Diện tích 10,4m² xây dựng từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004
	Cộng thêm trần tôn lạnh	m ²	118,7			134.000	0,3	0,983	4.691.806		
	Cộng thêm tường xây lũng	m ²	118,7			72.000	0,3	0,983	2.520.970		
	Đơn giá chênh lệch giữa nền lát đá hoa cương (181.818 đồng) so với nền lát gạch ceramic 40*40cm (248.000 đồng) theo quy định	m ²	15,8			-66.182	0,3	0,983	-307.394		
	Đơn giá chênh lệch giữa nền láng vữa xi măng (89.000 đồng) so với nền lát gạch ceramic 40*40cm (248.000 đồng) theo quy định	m ²	103,0			-159.000	0,3	0,983	-4.827.233		
	PHẦN DIỆN TÍCH (4,5m*2,3m) XÂY DỰNG TỪ NGÀY 15/10/1993 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 01/7/2004	m ²	10,4			2.640.000	0,8	0,983	21.487.594	Thời điểm xây dựng từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 80% đơn giá	Theo GXN ngày 15/5/2024 của UBND xã Nghĩa Thắng điều chỉnh phần diện tích (4,5m*2,3m) xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 thành từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004
	Cộng thêm trần tôn lạnh	m ²	10,4			134.000	0,8	0,983	1.090.658		
	Cộng thêm tường xây lũng	m ²	10,4			72.000	0,8	0,983	586.025		
	Đơn giá chênh lệch giữa nền láng vữa xi măng (89.000 đồng) so với nền lát gạch ceramic 40*40cm (248.000 đồng) theo quy định	m ²	10,4			-159.000	0,8	0,983	-1.294.139		
2	Bếp củi: Móng xây gạch ống, khung cột gỗ, vách tôn, nền láng vữa xi măng, mái tôn, cao trung bình 1,6m. KT: 1,7m*2m	m ²	3,4			2.519.000	0,3	0,983	2.525.701	Thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 30% đơn giá	Điều chỉnh thời điểm xây dựng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thành 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 (Theo GXN của UBND xã Nghĩa Thắng ngày 15/5/2024)
	Đơn giá chênh lệch giữa nền láng vữa xi măng (89.000 đồng) so với nền lát gạch ceramic 40*40cm (248.000 đồng) theo quy định	m ²	3,4			-159.000	0,3	0,983	-159.423		

3	Giếng khoan 1: Ống nhựa phi 130, sâu 86,7m	m	86,7			556.000	0,3	0,983	14.215.713	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND 18/8/2023 đã tính hỗ trợ 30% đơn giá. Nay điều chỉnh bổ sung thêm 30% đơn giá	Điều chỉnh thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 hỗ trợ bằng 30% đơn giá thành từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% đơn giá (Theo GXN của UBND xã Nghĩa Thắng ngày 27/9/2023)
4	Ao tưới: Sâu 10m. Diện tích 163,4m ² (Thửa 46, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ³	1.634,0			27.000	0,7	0,983	30.357.596	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
5	Ao tưới 2: Sâu 10m. Diện tích 155,9m ² (Thửa 48, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ³	1.559,0			27.000	0,7	0,983	28.964.193		
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								27.970.000		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 45, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	184,0			32.000		1	5.888.000	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 46, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	163,4			20.000		1	3.268.000		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 47, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	490,5			32.000		1	15.696.000		
4	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 48, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	155,9			20.000		1	3.118.000		
	TỔNG CỘNG								184.876.343	đồng	

Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỘ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
19	HỘ BÀ NGUYỄN THỊ LÃNG								41.103.973		
A	ĐẤT ĐAI								15.432.870		
1	Thửa số 32, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường bê tông - Diện tích chiều sâu trên 30m trở đi)	m ²	113,1			131.000		0,7	10.371.270		
2	Thửa số 33, mảnh trích đo địa chính số 433-2022 (Đất nuôi trồng thủy sản)	m ²	136,8			37.000			5.061.600		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								19.315.903		
1	Ao tưới (Trong ranh): Sâu 7,6m. Diện tích 136,8m² (Thửa số 33, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ³	1.039,7			27.000	0,7	0,983	19.315.903	Tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp đã tính toán hỗ trợ 30% đơn giá. Điều chỉnh hỗ trợ thêm 70% đơn giá	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục 1.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								6.355.200		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN-Thửa số 32, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	113,1			32.000		1	3.619.200	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS-Thửa số 33, mảnh trích đo địa chính số 433-2022)	m ²	136,8			20.000		1	2.736.000		
	TỔNG CỘNG								41.103.973	đồng	

Số tiền bằng chữ: bốn mươi một triệu, một trăm lẻ ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án ĐTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
20	HỘ ÔNG NGUYỄN NGỌC TIẾN								18.348.678		
A	ĐẤT ĐAI								0		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								18.348.678		
13	Giếng khoan: Ống nhựa phi 130, sâu 102m	m	102,0			610.000	0,3	0,983	18.348.678	Tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND 11/7/2023 đã tính hỗ trợ 30% đơn giá. Nay điều chỉnh bổ sung thêm 30% đơn giá	Điều chỉnh thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 hỗ trợ bằng 30% đơn giá thành từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% đơn giá (Theo GXN của UBND xã Nghĩa Thắng ngày 27/9/2023)
C	CÂY TRỒNG HOA MÀU								0		
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								0		
	TỔNG CỘNG								18.348.678	đồng	

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 2, ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2)

Dự án DTXD công trình: Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8) (Phần diện tích đất trong ranh thu hồi)

Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	DVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
21	HỘ ÔNG BUI VĂN THÀNH VÀ BÀ NGUYỄN THỊ AN								<u>23.079.800</u>		
A	ĐẤT ĐAI								0		
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC								0		
C	CÂY TRỒNG, HOA MÀU								<u>23.079.800</u>		
I	TRỪ ĐI SỐ TIỀN ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2675/QĐ-UBND NGÀY 18/8/2023								<u>-15.352.600</u>		
	Bơ thường kinh doanh năm 4	Cây	5	A		-1.444.200			-7.221.000	LÔ 1	
	Sầu riêng thường kinh doanh năm 4 trở lên	Cây	4	A		-2.032.900			-8.131.600	LÔ 2	
II	SỐ TIỀN ĐIỀU CHỈNH CÂY TRỒNG, HOA MÀU (= LÔ 1 + LÔ 2 + LÔ 3)								<u>38.432.400</u>		
	LÔ 1								<u>13.160.400</u>		
	Bơ thường kinh doanh năm 4	Cây	2	A		1.444.200			2.888.400		Điều chỉnh theo kiến nghị của gia đình tại Biên bản kiểm tra, xác minh ngày 29/9/2023
	Bơ ghép kinh doanh năm 4	Cây	3	A		3.424.000			10.272.000		
	LÔ 2								<u>18.424.000</u>		
I	Sầu riêng thường kinh doanh năm 4 trở lên điều chỉnh thành sầu riêng ghép kinh doanh năm 4	Cây	4	A		4.300.000			17.200.000		Điều chỉnh theo kiến nghị của gia đình tại Biên bản kiểm tra, xác minh ngày 29/9/2023. Điều chỉnh sầu riêng thường thành sầu riêng ghép

2	Bơ ghép chăm sóc năm 3	Cây	1	A		1.224.000			1.224.000		Điều chỉnh theo kiến nghị của gia đình tại Biên bản kiểm tra, xác minh ngày 29/9/2023. Bổ sung thêm 01 cây
	LÔ 3								6.848.000		
	Bơ ghép kinh doanh năm 4	Cây	2	A		3.424.000			6.848.000		Điều chỉnh theo kiến nghị của gia đình tại Biên bản kiểm tra, xác minh ngày 29/9/2023. Bổ sung thêm 02 cây
D	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ								0		
	TỔNG CỘNG								23.079.800	đồng	

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm đồng./.

